

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH T NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Q.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Quan L.**

2. Ông **Phạm Văn T.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lưu Sử Ngọc Q** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích D** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 868/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Mộng T**, sinh năm 1985 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Trú tại: 58/4, ấp Trường L, xã Trường T, huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh **Phan Văn Minh**, sinh năm 1982 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Trú tại: 58/4, ấp Trường L, xã Trường T, huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 09/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Mộng T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh Minh chung sống với nhau từ năm 2006 do tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Minh.

Về con chung: Có 02 con tên Phan Phúc Hậu, sinh ngày 30/11/2006 và Phan Xuân Ngân, sinh ngày 08/3/2008. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, chị không yêu cầu anh Minh cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về T sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phan Văn Minh trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu được ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con tên Phan Phúc Hậu, sinh ngày 30/11/2006 và Phan Xuân Ngân, sinh ngày 08/3/2008. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao 02 con cho chị T nuôi dưỡng, hai bên thỏa thuận không cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Minh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh Minh là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị T và anh Minh chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy, chị T và anh Minh chung sống như vợ chồng, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng vẫn không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Minh.

Về con chung: Cháu Phan Phúc Hậu, sinh ngày 30/11/2006 và Phan Xuân Ngân, sinh ngày 08/3/2008 có nguyện vọng sống với chị T nên giao 02 cháu cho chị T nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Minh cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 14, 15, 51, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Minh.

Về con chung: Giao cháu Phan Phúc Hậu, sinh ngày 30/11/2006 và Phan Xuân Ngân, sinh ngày 08/3/2008 cho chị T nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị T chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Anh Phan Văn Minh có nơi cư trú tại nhà số 58/4 ấp Trường L, xã Trường T, huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Mộng T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Phan Văn Minh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị T, anh Minh là đúng với quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội Dng vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Minh chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006, hôn nhân là do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị T và anh Minh chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T và anh Minh đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Chị T và anh Minh đều yêu cầu được thuận tình ly hôn, tuy nhiên do chị T, anh Minh chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cho anh, chị ly hôn hay đoàn tụ mà tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa chị T và anh Minh là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 02 con tên Phan Phúc Hậu, sinh ngày 30/11/2006 và Phan Xuân Ngân, sinh ngày 08/3/2008. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con. Qua làm việc với cháu Hậu và cháu Ngân thì hiện tại 02 cháu đang sống ổn định với chị T và 02 cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T nên cần giao 02 cháu cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị T không yêu cầu anh Minh cấp dưỡng nuôi 02 con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về T sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành là hợp lý cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Mộng T và anh Phan Văn Minh là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Mộng T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phan Phúc Hậu, sinh ngày 30/11/2006 và Phan Xuân Ngân, sinh ngày 08/3/2008. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Minh cấp dưỡng nuôi 02 con.

Sau khi ly hôn, anh Minh không trực tiếp nuôi 02 con có quyền, nghĩa vụ thăm nom 02 con chung mà không ai được cản trở.

3. Về T sản chung: Chị T và anh Minh trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T và anh Minh trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008265 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh T Ninh, ghi nhận chị T đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh T Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- CC.THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.